

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**
Bản án số: 146 /2018/HS-ST
Ngày: 28-8-2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Quyên và bà Nguyễn Thị Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ J, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trần Quân, Kiểm sát viên .

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 134/2018/HSST ngày 19 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Thiện N (Tên gọi khác: Zét), sinh ngày 28 tháng 5 năm 1996 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Số 14 đường X, phường T, thành phố H, tỉnh F; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Lê Thị H; vợ, con: chưa có.

*** Quá trình nhân thân;**

- Ngày 31/01/2013, bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng, về hành vi “Sử dụng và tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Ngày 21/7/2014, bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Ngày 03/02/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh F xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 25/2015/HSST).

- Ngày 08/6/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh F xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 115/2015/HSST).

- Ngày 31/8/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh F xử phạt 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, với tình tiết tăng nặng “Tái phạm” (Bản án số 194/2016/HSST)

Tiền án: 03; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/3/2018, chuyển tạm giam từ ngày 05/3/2018 đến nay. Có mặt.

2. Trần Nguyễn Thiện B, sinh ngày 11 tháng 8 năm 1996 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Số 9A kiệt 9 đường L, phường M, thành phố H, tỉnh F; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thiện A và bà Nguyễn Ngô Thị Thanh C; vợ, con: chưa có.

** Quá trình nhân thân;*

- Ngày 02/4/2013, bị Công an phường M, thành phố H xử phạt vi phạm hành chính 75.000 đồng, về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

- Ngày 11/5/2013, bị Công an phường M, thành phố H xử phạt vi phạm hành chính 375.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Ngày 20/12/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh F xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 268/2016/HSST).

- Ngày 21/3/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh F xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù của Bản án số 268/2016/HSST ngày 20/12/2016, buộc phải chấp hành hình phạt chung là 01 năm 06 tháng tù (Bản án số 77/2017/HSST).

Tiền án: 02, tiền sự: không.

Bị cáo tạm giữ từ ngày 05/3/2018; chuyển tạm giam từ ngày 08/3/2018 cho đến nay. Có mặt.

** Bị hại:*

Chị Phan Thị K, sinh năm 1972 và ông Lương Thanh Đ, sinh năm 1965; địa chỉ: 80 P, phường E, thành phố H. Đều có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Trương Phước R; Địa chỉ: 205A X, phường S, thành phố H. Có đơn xin xử vắng mặt.

** Người làm chứng:*

- Anh Trương Phước U, sinh năm 1998; địa chỉ: 205A đường X, phường S, thành phố H. Có mặt.

- Ông Đỗ Xuân Q, sinh năm 1969; địa chỉ: 12 W, phường E, thành phố H. Có mặt.

- Anh Nguyễn Minh J, sinh năm 1993; địa chỉ: 01/04/64 đường X, phường S, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 24/02/2018, anh Trương Phước U mượn chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển số 75H3-0506 của bố là ông Trương Phước R chở Trần Thiện N và Trần Nguyễn Thiện B đến đường Y, phường S để uống cà phê. Ngồi được khoảng 15 phút thì N nói với U: “Cho tau mượn xe đi lấy tiền mẹ gửi”. Được U đồng ý, N lấy chiếc xe mô tô biển số 75H3-0506 chở B đi cùng. Lúc chạy xe trên đường, N nảy sinh ý định cướp giật tài sản của người

khác và rủ B cùng tham gia, thì B đồng ý. Khi chạy đến ngang ngã ba đường J - V, thành phố H thì cả hai phát hiện có anh Lương Thanh Đ đang điều khiển xe mô tô biển số 75F1-331.73, phía sau chở vợ là chị Phan Thị K trên yên xe trước bụng của chị K có để một túi xách da màu đỏ. Khi anh Đ cho xe rẽ vào đường V, phường O thì N chạy xe theo một đoạn rồi dừng lại, để B xuống nhặt một bao ni lông trên đường, móc che biển số 75H3-0506. Sau đó, N tiếp tục điều khiển xe bám theo vợ chồng anh Đ được khoảng 200 mét, rồi điều khiển cho xe vượt lên áp sát phía bên trái xe anh Đ, để B ngồi sau dùng tay phải giật lấy túi xách của chị K. N liền tăng ga bỏ chạy qua nhiều tuyến đường. Khi đến một con hẻm vắng người tại đường Z, phường G, cả hai dừng lại mở túi xách ra kiểm tra bên trong, thấy có 02 chiếc điện thoại di động hiệu iPhone 6S Plus màu vàng và iPhone 5 màu trắng; một ví da nữ màu đen; 80.000.000 đồng tiền Việt Nam và 500 Đôla Mỹ (USD).

Bị giật tài sản, anh Đ chở chị K đuổi theo, hô hoán và gọi điện thoại nhờ bạn là anh Đỗ Xuân Q định vị máy điện thoại iPhone 6S Plus. Trong lúc N và B đang lục túi xách thì anh Đ, anh Q tìm gặp và tri hô, nên cả hai lên xe bỏ chạy theo hướng lên cầu vượt Q, rồi chạy về đường H (đoạn gần cầu) thì dừng lại. N điện thoại cho anh Trương Phước U đến gặp để trả lại xe. Sau đó, N có kể với anh U về việc mình đã sử dụng chiếc xe mô tô 75H3-0506 đi cướp giật tài sản, anh U liền nói: “Bây làm chi mà ghê rứa, chừ chiếc xe của ba tau tính rặng”. Nghe vậy, N đề nghị Thắng bán chiếc xe mô tô này lại cho mình. U nghe xong, gọi điện hỏi và được ông Trương Phước R đồng ý bán xe với giá 7.000.000 đồng. N đã dùng số tiền 7.000.000 đồng trong số tiền vừa chiếm đoạt được mua lại chiếc xe mô tô 75H3-0506 từ U. Số tiền bán xe, U đem về nhà giao lại toàn bộ cho ông R, đồng thời lấy giấy đăng ký xe mô tô 75H3-0506 quay lại đưa cho N.

Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được, cả hai thống nhất giao cho N cất giữ. N và B dùng 10.000.000 đồng để mua áo quần (mỗi người 5.000.000 đồng), rồi cùng nhau ra thị xã Y mua heroin của một người không rõ danh tính, địa chỉ với số tiền 7.000.000đ về sử dụng chung. Sau đó, N đã nhiều lần đưa cho B số tiền khoảng 15.000.000 đồng và 200 Đôla Mỹ, còn lại N cất giữ và tiêu xài riêng hết.

Khoảng 02 ngày sau, N và B đến gặp bạn là Nguyễn Minh J rồi đưa xe mô tô biển số 75H3-0506 cùng giấy đăng ký xe cho J sử dụng để đi lại, đến ngày 02/3/2018 thì bị Cơ quan điều tra thu giữ.

Biết hành vi của mình đã bị phát hiện, nên Trần Nguyễn Thiện B bỏ trốn. Hồi 14 giờ 30' ngày 05/3/2018, B ra đầu thú tại Cơ quan điều tra Công an thành phố H.

** Vật chứng đã thu giữ gồm:*

- Thu giữ của Trần Thiện N: Một chiếc điện thoại di động hiệu iPhone 6S Plus màu vàng, số Imei: 35573300843047. Ngày 03/4/2018, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 107 trả lại cho chị Phan Thị K và chị Khiết đã nhận lại tài sản.

- Thu giữ của Nguyễn Minh J: Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 75H3-0506; số máy 5SD1-30319; số khung 5SD1-30319 và một giấy Chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 0034656; biển số đăng ký 75H3-0506; tên chủ xe: Võ Quang A.

Đối với cái túi xách da màu đỏ kích thước (20 x 35)cm, bên trong có cái ví da nữ kích thước (10 x 20)cm và chiếc điện thoại di động hiệu iPhone 5 màu trắng: N và B khai nhận đã vớt lại bên vỉa hè đoạn đường gần cầu vượt Thủy Dương, không xác định được vị trí, nên không thu giữ được.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 75H3-0506, ông Trương Phước R có ý kiến nếu Tòa án công nhận việc ông đã bán xe cho N hoặc trả xe lại cho ông và ông sẽ trả lại cho bị hại 7.000.000đ thì ông đều chấp nhận, không có ý kiến gì.

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 96/KLĐG ngày 08/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H xác định: Trị giá chiếc điện thoại di động hiệu iPhone 6S Plus màu vàng tại thời điểm bị chiếm đoạt là 6.000.000 đồng.

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 264/KLĐG ngày 24/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H (định giá qua hồ sơ) xác định: Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu iPhone 5 màu trắng, 01 cái túi xách da màu đỏ và 01 cái ví da nữ không đủ căn cứ để định giá.

Tại Công văn số 165/TTH-THNKSNN ngày 03/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh F cung cấp tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam (VNĐ) với Đôla Mỹ (USD) áp dụng cho ngày 24/02/2018 như sau: 01 USD = 22.443 VNĐ. Như vậy, 500 Đôla Mỹ quy đổi bằng 11.221.500 đồng.

Quá trình điều tra, chị Phan Thị K trình báo số tiền Việt Nam có trong túi xách bị chiếm đoạt là 105.100.000 đồng chứ không phải 80.000.000 đồng như lời khai của N và B. Tuy nhiên, do không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh số tiền Việt Nam đồng mà N và B đã chiếm đoạt của chị Khiết như chị đã trình bày. Quá trình điều tra, N và B khai nhận số tiền đã chiếm đoạt được là khoảng 80.000.000 đồng. Vì vậy, theo nguyên tắc có lợi cho các bị can, cần xác định số tiền Việt Nam đồng mà N và B đã chiếm đoạt là 80.000.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tiền Việt Nam, tiền ngoại tệ (quy đổi) và chiếc điện thoại di động hiệu iPhone 6S Plus mà Trần Thiện N và Trần Nguyễn Thiện B đã chiếm đoạt là 97.221.500 đồng.

Quá trình điều tra, các bị Trần Thiện N và Trần Nguyễn Thiện B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 134/CT-VKS ngày 17 tháng 7 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố Trần Thiện N về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c, d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015; Trần Nguyễn Thiện B về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015;.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Thiện N và Trần Nguyễn Thiện B phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm c, d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Trần Thiện N từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù; áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Trần Nguyễn Thiện B từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Tuyên buộc hai bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại theo phần các bên đã thỏa thuận.

- Về xử lý vật chứng: Tạm giữ xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 75H3-0506; số máy 5SD1-30319; số khung 5SD1-30319 và một giấy Chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 0034656; biển số đăng ký 75H3-0506; tên chủ xe: Võ Quang A để đảm bảo cho việc thi hành án..

Về án phí: Tuyên buộc hai bị cáo phải chịu án phí dân sự và án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Khiết đồng ý với ý kiến của ông Trương Phước R trả lại cho chị 7.000.000đ tiền mua bán xe do các bị cáo chiếm đoạt của chị; yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền 84.221.500 và giá trị chiếc điện thoại Iphone 5 trị giá 2.000.000đ, tổng cộng 86.221.500đ. Các bị cáo N, B đồng ý bồi thường cho chị Khiết số tiền theo phần bị cáo B: 25.000.000đ, bị cáo N 61.221.500đ. Ông Đ đồng ý với chị K, không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 13 giờ 30’ ngày 24/02/2018, tại đường V, phường O, thành phố H; Trần Thiện N điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển số 75H3-0506, nhanh chóng tiếp cận, áp sát phía bên trái xe biển số 75F1-331.73 do anh Lương Thanh Đ đang điều khiển chở vợ là chị Phan Thị K, để Trần Nguyễn Thiện B ngồi sau dùng tay phải giật lấy túi xách của chị K, rồi cả hai nhanh chóng tẩu thoát. Tài sản mà N và B đã chiếm đoạt của chị K gồm: một túi xách da màu đỏ, bên trong có một ví da nữ, 80.000.000 đồng, 500 Đôla Mỹ, hai chiếc điện thoại di động hiệu iPhone 6S Plus màu vàng và iPhone 5 màu trắng. Tổng giá trị tài sản qua định giá và quy đổi là 97.221.500 đồng; hai bị cáo sử dụng xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ để đi cướp giật tài sản; tại Bản án số 194/2016/HSST ngày 31/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố H xác định Trần Thiện N tai phạm, chưa được xóa án tích, mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Trần Thiện N về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c, d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Trần Nguyễn Thiện B về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì háms lợi, lười lao động và muốn có tiền để sử dụng ma túy, tiêu xài không chính đáng nên các bị cáo đã phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi này có thể gây ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của bị hại, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm.

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội và vai trò của của mỗi bị cáo, thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Trần Thiện N vừa là người khởi xướng, vừa là người thực hành; bị cáo Trần Nguyễn Thiện B là người thực hành tích cực, trực tiếp giật tài sản nên bị cáo N phải chịu vai trò cao hơn bị cáo B.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Các bị cáo có nhân thân rất xấu từng bị nhiều lần xử phạt hành chính và xử lý hình sự nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội; bị cáo Trần Thiện N không phạm vào tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; Trần Nguyễn Thiện B sau khi chấp hành xong hình phạt Bản án số 77/2017/HSST ngày 21/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố H, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên phạm vào tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; quá trình điều tra, truy tố các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; sau khi bị phát hiện và bỏ trốn, bị cáo B đã chủ động đến cơ quan Công an để đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy phải xử lý các bị cáo bằng một hình phạt thật nghiêm khắc, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo N và bị cáo B phải liên đới bồi thường cho chị Phan Thị K số tiền 86.221.500đ, theo phần bị cáo B: 25.000.000đ, bị cáo N 61.221.500đ.

- Do số tiền 7.000.000đ bị cáo N dùng mua xe của ông R là tiền do phạm tội mà có nên buộc ông Trương Phước R trả lại cho chị Phan Thị K số tiền 7.000.000đ tiền bán xe cho N.

[6] Về xử lý vật chứng: Trả lại cho ông Trương Phước R xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 75H3-0506; số máy 5SD1-30319; số khung 5SD1-30319 và một giấy Chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 0034656; biển số đăng ký 75H3-0506; tên chủ xe: Võ Quang A.

[7] Về án phí:

- Án phí dân sự: Bị cáo N phải chịu 61.221.500đ x 5% = 3.061.000đ (làm tròn); Bị cáo B phải chịu 25.000.000đ x 5% = 1.250.000đ.

- Ân phí hình sự: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận điều tra và bản cáo trạng nên các hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c, d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Trần Thiện N (Zét); điểm c, d, khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Nguyễn Thiện B; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, các Điều 468, 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự 2015, xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thiện N, Trần Nguyễn Thiện B phạm tội Cướp giật tài sản;

Xử phạt bị cáo Trần Thiện N 05 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 02/3/2018.

Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Thiện B 04 năm 03 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 05/3/2018.

2. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho ông Trương Phước R xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 75H3-0506; số máy 5SD1-30319; số khung 5SD1-30319 và một giấy Chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 0034656; biển số đăng ký 75H3-0506; tên chủ xe: Võ J Anh. Vật chứng trên được xác định tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/7/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố H và Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo N và bị cáo B phải liên đới bồi thường cho chị Phan Thị K số tiền 86.221.500đ, theo phần bị cáo B: 25.000.000đ, bị cáo N 61.221.500đ.

Buộc ông Trương Phước R trả lại cho chị Phan Thị K số tiền 7.000.000đ tiền bán xe cho N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày chị Khiết có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Trần Thiện N, Trần Nguyễn Thiện B, ông Trương Phước R còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi

hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo N phải chịu 3.061.000đ (làm tròn); Bị cáo B phải chịu 1.250.000đ.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo N, B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh F;
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- Phòng PV 27 CA tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- CA thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các bị cáo; Bị hại; Người CQLNVLQ;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Tú